

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2025
*“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Điện và bà Nguyễn Thị Gấm

*Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện
Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Nha- Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông,
tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
33/2024/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly
hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị X**, sinh năm 1994. Có mặt
 - Bị đơn: Anh **Bàn Văn C**, sinh năm 1989. Vắng mặt
- Đều cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng
như tại phiên tòa, nguyên đơn Bàn Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Bàn Văn C quen biết, tìm hiểu và
yêu nhau rồi mới quyết định kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai
bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Chị X và
anh C tự nguyện đến UBND xã C, huyện B để đăng ký kết hôn theo quy định
của pháp luật vào ngày 11/3/2013. Sau khi kết hôn chị X, anh C sinh sống, làm
ăn, sinh con tại xã C. Do chị X là con một (con duy nhất trong gia đình) nên theo
phong tục tập quán gia đình chị X đã đón anh C về nhà chị X sinh sống và làm
rẻ. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, cũng có
lúc xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nhưng sau
đó lại bỏ qua cho nhau, cho đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân theo chị X là do anh C ham chơi, thường uống rượu tụ tập bạn bè, không chịu làm ăn, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau về tính cách, quan điểm sống, làm ăn kinh tế không có tiếng nói chung và sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, tuy vợ chồng không đánh chửi nhau nhưng thường xuyên cãi nhau, to tiếng làng xóm xung quanh biết nhưng chị X không báo chính quyền thôn, xã giải quyết nên không làm biên bản. Quá trình sống ly thân đến nay đã gần hai năm không ai có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, khi ly thân chị X và anh C không ai quan tâm đến ai. Mỗi người đi làm ăn một nơi, kinh tế tự lo riêng. Đến nay chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X đã thông tin với anh C qua mạng xã hội (zalo) là vợ chồng ly hôn, nhưng anh C cố tình không hợp tác, thực tế ngày nghỉ Tết, lễ anh C vẫn về nhà bố mẹ đẻ và thăm con chung nhưng anh C nói là sẽ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Nay chị X thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu giải quyết ly hôn với Bàn Văn C.

- Về con chung: Chị X và anh C có 01 con chung là Bàn Khánh D, sinh ngày 29/9/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện tại đang là học sinh lớp 6 trường THCS C1. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

* Bị đơn Bàn Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh C không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Bàn Văn C không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Bàn Thị X và anh Bàn Văn C là công dân có hộ khẩu, sinh sống và làm ăn tại thôn T, xã C, huyện B từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng có 01 con chung. Thời gian sinh sống tại địa phương thấy những năm đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, anh C ở rể tại nhà chị X, nhưng từ năm 2022 thấy hai vợ chồng đi làm công nhân ở tỉnh khác sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi chửi nhau, nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương đến can thiệp, lập biên bản. Theo thông tin thôn nắm được thì nguyên nhân như chị X trình bày là có căn cứ, do anh C ham chơi, không chăm lo làm kinh tế gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi nhau và sau đó thấy vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi. Anh C đi làm ăn nhưng thỉnh thoảng ngày nghỉ lễ, tết vẫn thấy về sinh sống tại thôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2024, cháu Bàn Khánh D trình bày: Cháu D thấy hiện nay bố, mẹ cháu không ở cùng với nhau, bố đi làm ăn ở đâu cháu không biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng ngày nghỉ lễ, tết vẫn về thăm cháu. Bố hay gọi zalo cho cháu báo bố đang làm ở tỉnh Bắc Giang, hiện tại cháu đang

ở cùng mẹ (Bàn Thị X) và khi mẹ đi làm ăn thì ở cùng bà ngoại tại thôn T, xã C. Nếu bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ (Bàn Thị X), vì mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học, cháu thích ở với mẹ hơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bàn Văn C nhiều lần nhưng anh C không có mặt, tại phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Bàn Văn C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu thu thập được và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Bàn Thị X và anh Bàn Văn C có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị X xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X xin ly hôn với anh Bàn Văn C là có căn cứ.

- Về con chung: Chị X và anh C có 01 con chung là Bàn Khánh D, sinh ngày 29/9/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, Chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay cháu D đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị X, từ khi vợ chồng sống ly thân chị X trực tiếp chăm sóc nên để duy trì sự ổn định môi trường sống, bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập của con chung được tốt nhất thì việc giao cháu D cho chị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ được xem xét chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đề nghị căn cứ Điều 28; 35; 147; 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bàn Thị X, cho chị X được ly hôn với anh Bàn Văn C.

* Về con chung: Giao con chung Bàn Khánh D, sinh ngày 29/9/2013 cho chị Bàn Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Bàn Văn C không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh C không có mặt, chị X không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Bàn Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị X và anh Bàn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 11/3/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên ham chơi hay tụ tập bạn bè, không chăm lo cho đời sống gia đình, không tập trung làm ăn, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau, sau đó vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị X và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị X anh C là đúng thực tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi nhau do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2023, mỗi người sinh sống một

nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm nên chị X yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị X và anh C có 01 con chung là Bàn Khánh D, sinh ngày 29/9/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang là học sinh lớp 6 trường THCS C1. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh C hiện nay đi làm ăn, không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, chị X thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con đầy đủ, ổn định hơn. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con cho chị Bàn Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Bàn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Chị Bàn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về vay nợ chung: Chị Bàn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Bàn Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn Bàn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bàn Thị X, chị X được ly hôn với anh Bàn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Bàn Khánh D, sinh ngày 29/9/2013 cho chị Bàn Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Bàn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bàn Thị X phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001288 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. B;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HSVA; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

